

MRC-C クーラントコレット

- クーラントスルー用ERコレット
ER Collet for coolant through

MRC-C Coolant Collet



MRC-C クーラントコレット

MRC16-C (ER25)		MRC20-C (ER32)		MRC30-C (ER40)	
把握範囲 Chucking range 6.0 ~ 16.0mm		把握範囲 Chucking range 6.0 ~ 20.0mm		把握範囲 Chucking range 6.0 ~ 26.0mm	
CODE	径 dia.	CODE	径 dia.	CODE	径 dia.
MRC16-6C	6.0 h9	MRC20-6C	6.0 h9	MRC30-6C	6.0 h9
MRC16-7C	7.0 h9	MRC20-7C	7.0 h9	MRC30-8C	8.0 h9
MRC16-8C	7.5 ~ 8.0	MRC20-8C	7.5 ~ 8.0	MRC30-10C	9.5 ~ 10.0
MRC16-9C	8.5 ~ 9.0	MRC20-9C	8.5 ~ 9.0	MRC30-11C	10.5 ~ 11.0
MRC16-10C	9.5 ~ 10.0	MRC20-10C	9.5 ~ 10.0	MRC30-12C	11.5 ~ 12.0
MRC16-11C	10.5 ~ 11.0	MRC20-11C	10.5 ~ 11.0	MRC30-13C	12.5 ~ 13.0
MRC16-12C	11.5 ~ 12.0	MRC20-12C	11.5 ~ 12.0	MRC30-14C	13.5 ~ 14.0
MRC16-13C	12.5 ~ 13.0	MRC20-13C	12.5 ~ 13.0	MRC30-15C	14.5 ~ 15.0
MRC16-14C	13.5 ~ 14.0	MRC20-14C	13.5 ~ 14.0	MRC30-16C	15.5 ~ 16.0
MRC16-15C	14.5 ~ 15.0	MRC20-15C	14.5 ~ 15.0	MRC30-17C	16.5 ~ 17.0
MRC16-16C	15.5 ~ 16.0	MRC20-16C	15.5 ~ 16.0	MRC30-18C	17.5 ~ 18.0
		MRC20-17C	16.5 ~ 17.0	MRC30-19C	18.5 ~ 19.0
		MRC20-18C	17.5 ~ 18.0	MRC30-20C	19.5 ~ 20.0
		MRC20-19C	18.5 ~ 19.0	MRC30-21C	20.5 ~ 21.0
		MRC20-20C	19.5 ~ 20.0	MRC30-22C	21.5 ~ 22.0
				MRC30-23C	22.5 ~ 23.0
				MRC30-24C	23.5 ~ 24.0
				MRC30-25C	24.5 ~ 25.0
				MRC30-26C	25.5 ~ 26.0

